

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ và các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1980. Chỗ ở hiện tại: D N, phường N, Quận S, thành phố Đà Nẵng và bà Phan Thị Kim V, sinh năm 1985. Chỗ ở hiện tại: Số D P, phường M, Quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, TP Đà Nẵng. Sau một thời gian chung sống do hôn nhân không hoà hợp dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, cả hai hết tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông T và bà V đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng. mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: ông T và bà V xác nhận có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/8/2017 và Trần Ngọc Quỳnh A1, sinh ngày 20/9/2019. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Bà V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, 02 con 3.000.000 đồng.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông T và bà V khai không có.

[4]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 12.6.2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132 của UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/12/2008 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V khai nhận có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/8/2017 và Trần Ngọc Quỳnh A1, sinh ngày 20/9/2019. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Phan Thị Kim V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 13/8/2017 và Trần Ngọc Quỳnh A1, sinh ngày 20/9/2019.

Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng, mỗi con 1.500.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng/02 con). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 6.2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông Trần Văn T và Bà Phan Thị Kim V phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0008025** ngày **27.5.2025** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Kim V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Mân Thái;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy